TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/KDTM-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Nam Hùng

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2025/QĐXXST-KDTM ngày 15/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1186/2025/QĐST-KDTM ngày 07/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Trụ sở: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16 tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Phương D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 24B đường K, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S.

Trụ sở: Số 122 Tam Đa, phường L, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1978

Địa chỉ: A6/22E Tổ 6 ấp 1A xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã M, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và quá trình tranh tụng tại tòa, bà Phan Thị Phương D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/5/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng Eximbank) có nhận được giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng thẻ doanh nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S (gọi tắt là Công ty S). Sau khi xem xét đề nghị của Công ty S, Ngân hàng Eximbank đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân với Công ty S vào ngày 08/5/2020 với hạn mức sử dụng tối đa 300.000.000 đồng, mục đích phát hành thẻ tín dụng cho cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp, thời hạn sử dụng thẻ 3 năm, hình thức đảm bảo tín chấp. Căn cứ giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 08/5/2020 và Danh sách nhân viên được đề nghị cấp thẻ tín dụng doanh nhân ngày 08/5/2020 thì Ngân hàng Eximbank đã phát hành thẻ và giao thẻ cho Công ty S vào ngày 13/5/2020 . Công ty S đã nhận thẻ và thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 316.831.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thẻ Công ty S thanh toán tiền cho Ngân hàng không đúng quy định, tính đến ngày 29/8/2025 sau nhiều đợt thanh toán thì tổng số tiền Công ty S đã thanh toán là 278.703.788 đồng. Do Công ty S vi phạm thời hạn thanh toán nên Ngân hàng Eximbank yêu cầu Công ty S phải thanh toán ngay số tiền tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 1.779.008.282 đồng, trong đó nợ gốc 174.432.314 đồng và nợ lãi 591.495.419 đồng, các loại phí 1.013.080.549 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi Công ty S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế đã ký kết.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Phương D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại S phải trả các loại phí tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 1.013.080.549 đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội D: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ vay tính đến ngày 29/8/2025 là 765.891.733 đồng, trong đó nợ gốc 174.432.314 đồng và nợ lãi 591.495.419 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền các loại phí 1.013.080.549 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi Công ty S thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại S có trụ sở tại địa chỉ số 122 Tam Đa, phường L, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ theo khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025); điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bà Phan Thị Phương D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S và người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội D: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 08/5/2020 bị đơn có đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng doanh nhân hạn mức 300.000.000 đồng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, Ngân hàng đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng doanh nhân hạn mức 300.000.000 đồng cho bị đơn. Căn cứ giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 13/5/2020 thì có cơ sở bị đơn đã nhận được thẻ tín dụng doanh nhân từ nguyên đơn.

Căn cứ bảng chiết tính lãi thẻ tín dụng ngày 29/8/2025 do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện giao dịch với tổng số tiền 316.831.000 đồng. Sau nhiều lần thanh toán bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 278.703.788 đồng, các khoản phí và lãi suất phát sinh được ưu tiên thanh toán trước, số còn lại được trừ vào nợ gốc nên số tiền gốc bị đơn còn nợ là 174.432.314 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc cho nguyên đơn số tiền 174.432.314 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc thanh toán số tiền đã giao dịch bằng thẻ tín dụng. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi: Căn cứ hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân, bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế thì hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 591.495.419 đồng có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán số tiền các loại phí: Tại bản tự khai ngày 28/8/2025 nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền các loại phí 1.013.080.549 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền các loại phí 1.013.080.549 đồng.

[3] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại S

phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 34.635.669 đ (Ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 6.241.627 đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003052 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán các loại phí là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố Tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025);

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025).

Căn cứ 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (chuyển tiếp Điều 100 và Điều 105 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ vay tính đến ngày 29/8/2025 là 765.891.733 đ (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm chín mươi mốt ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc 174.432.314 đồng và nợ lãi là 591.495.419 đồng.

Kể từ ngày 30/8/2025 Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền các loại phí 1.013.080.549 đồng.

3. Án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 34.635.669 đ (Ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng), nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 6.241.627 đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003052 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2TPHCM;
- THADSTPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Hà